TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 17/11/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Phúc Tuệ
2. Ông Đinh Xuân Phầu

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình: Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-TCDS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2020 ngày 21 tháng 10 năm 2020, Thông báo xét xử số: 06/2020/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hà Thị H - Sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn Đ , xã M, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn*:
Ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1983
Địa chỉ: Số 23 đường l, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
- *Bị đơn*: Bà Hà Thị C , sinh năm 1967
Địa chỉ: Thôn Đ xã M, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
Ông Hà Thanh T, sinh năm 1966 (là chồng của bà Hà Thị C)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt). Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2020, bản tự khai ngày 30/7/2020 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Hà Thị H trình bày: Bà và bà Hà Thị C có mối quan hệ là chị em họ với nhau. Vào khoảng tháng 8/2019 bà C nói muốn mượn bà H số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) để lo việc gia đình nên bà đã đồng ý cho bà C mượn tiền. Ngày 12/8/2019 âm lịch, tức ngày 10/9/2019 dương lịch, bà C đến nhà bà H để mượn tiền. Sau khi bà H giao đủ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà C thì bà C đã viết giấy mượn tiền của bà H, hẹn đến ngày 22/11/2019 âm lịch tức ngày 17/12/2019 dương lịch sẽ trả đầy đủ cho bà. Nhưng đến ngày trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Hà Thị C hoàn trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà nhưng bà C không trả. Đến thời điểm hiện tại bà C chưa trả cho bà H một khoản tiền nào, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Nay bà Hà Thị H yêu cầu bà Hà Thị C và ông Hà Thanh T (chồng của bà C) phải hoàn trả cho bà 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và trả cho bà khoản lãi phát sinh từ thời điểm cam kết trả nợ nhưng không trả (từ ngày 17/12/2019 cho đến ngày khởi kiện) tạm tính 6 tháng theo lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tức (10%/năm) số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà H yêu cầu bà C và ông T phải trả cho bà là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 30/7/2020 và trong quá trình giải quyết, bà Hà Thị C (bị đơn) trình bày: Bà C và bà Hà Thị H có mối quan hệ là chị em họ với nhau và cùng bán thực phẩm là thịt lợn ở chợ Cuồi, xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá. Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2019 âm lịch do lợn bị bệnh dịch tả châu phi nên bà không có việc làm. Trong thời gian này bà thấy có một số người chơi hụi có lãi nên bà cũng tham gia chơi hụi. Trong khi bà đi thu tiền hụi của một số người thì bà H hỏi bà: Có cầm tiền chơi hụi như họ không thì bà nói: Có. Bà H bảo với bà về bàn bạc với chồng. Đến ngày 12/8/2019 bà H gọi bà C đến nhà bà H lấy tiền để đóng vào hụi, số tiền mặt là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) hẹn đến ngày 22/11/2019 thì bà sẽ trả tiền gốc là 125.000.000đ, cả gốc và lãi là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà H.

Bà C thừa nhận mình có ghi vào sổ của bà Hà Thị H với nội dung: "Ngày 12/8/2019 C mượn của gì H 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Đến 22/11/2019 trả". Bà có ký vào giấy vay tiền chữ "C" nhưng bà không ký chữ "Hà Thị C". Trong sổ vay của bà H.

Nay bà Hà Thị H khởi kiện yêu cầu bà và chồng bà (ông Hà Thanh T) phải trả số tiền 210.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10.000.000 đồng, bà không chấp nhận trả số tiền trên cho bà H. Đối với chồng bà là ông Hà Thanh T thì ông T không biết việc chơi hụi giữa bà và bà H nên không liên quan đến việc khởi kiện của bà Hà Thị H.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên toà ông Hà Thanh T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ngày 14/7/2020 ông có nhận được thông báo thụ lý của Toà án về việc ông là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Hà Thị H và bị đơn là bà Hà Thị C (vợ ông).

Bà H yêu cầu vợ ông (bà C) và ông phải trả số tiền bà C vay mượn 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) của bà H, ông không chấp nhận. Vì việc vay mượn giữa bà C và bà H ông không hề biết kể cả thời gian vay mượn khi nào, số tiền bao nhiêu, vay nhằm mục đích gì. Sau khi bà C vay, bà C không trao đổi và bàn bạc với ông để ông biết việc vay nợ giữa bà C và bà H. Số tiền vay cũng không sử dụng vào mục đích kinh tế chung của gia đình. Khi bị vỡ hụi tại chợ Cuồi xã Tiến Hoá, các con nợ đến nhà đòi nợ bà C thì ông mới vỡ lẽ, biết việc vay nợ giữa bà C và bà H, vì vậy ông không chịu trách nhiệm liên quan đến khoản nợ của bà C. Nếu bà C vay thì bà C phải trả. Ông không chấp nhận trả nợ cho bà H theo yêu cầu của bà H.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã tiến hành hòa giải giữa hai bên đương sự, nhằm giúp các bên thoả thuận với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên tại buổi hoà giải ngày 30/7/2020, nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận được với nhau.

- Phía nguyên đơn bà Hà Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn bà Hà Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh T (chồng của bà C) phải trả toàn bộ số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà H và không yêu cầu bà C phải trả lãi.

- Phía bị đơn bà Hà Thị C không thừa nhận vay của bà Hà Thị H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để lo việc gia đình. Bà C thừa nhận thực tế bà C có vay của bà H số tiền 125.000.000 đồng bằng tiền mặt là khoản tiền chơi hụi và thoả thuận sau 100 ngày tức là sau hơn 3 tháng (đến ngày 22/11/2019) bà C phải trả cho bà H số tiền lãi là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Nên bà C đã viết vào sổ nợ của bà H số nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Qua hoà giải bà C đề nghị với bà H: Nếu khi nào các con hụi trả tiền cho bà C thì bà C sẽ trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà H vì hiện tại bà C không có tiền để trả. Riêng ông Hà Thanh T chồng bà C không biết việc chơi hụi giữa bà C và bà H nên không liên quan đến việc khởi kiện của bà Hà Thị H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Thanh T không chấp nhận trả nợ cho bà Hà Thị H và khẳng định: Việc vay mượn giữa bà C và bà H ông không được biết kể cả thời gian vay lúc nào, số tiền vay bao nhiêu và vay nhằm mục đích gì. Vợ ông bà Hà Thị C không nói cho ông biết, không trao đổi, bàn bạc với ông và cũng không nhằm phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy khoản nợ này không liên quan đến ông. Nếu bà C vay của bà H thì bà C phải tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Ngày 01/8/2020 bà Hà Thị H gửi Đơn yêu cầu Toà án thu thập tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng tín dụng của bà Hà Thị C, ông Hà Thanh T về khoản vay của vợ chồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Tuyên Hoá, Bắc Quảng Bình. Ngày 18/8/2020 nguyên đơn bà Hà Thị H tiếp tục có Đơn yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ gửi qua đường bưu chính nhưng không ghi rõ ngày làm đơn và không ký tên người làm đơn. Vì vậy, Toà án đã thông báo cho nguyên đơn về việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ.

Toà án đã yêu cầu phía bị đơn bà Hà Thị C và ông Hà Thanh T cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ nói trên. Ngày 20/8/2020 Toà án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải giữa các bên đương sự, nhưng chỉ có phía bị đơn là bà Hà Thị C và ông Hà Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, còn phía nguyên đơn bà Hà Thị H vắng mặt không rõ lý do. Bà Hà Thị C đã nộp cho Toà án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng và Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tuyên Hoá, khoản vay nợ của vợ chồng ông T và bà C với tổng số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Đến ngày 25/8/2020 Toà án nhận được Đơn yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Hà Thị H. Nội dung đơn bà H yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá áp dụng khoản 12 Điều 114 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để ra Quyết định: Cấm ông Hà Thanh T và bà Hà Thị C thực hiện việc thanh lý hợp đồng tín dụng số 202001533 cũng như thực hiện hành vi giải ngân thêm khoản vay nói trên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tuyên Hoá, Bắc Quảng Bình.

Cấm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Tuyên Hoá, Bắc Quảng Bình thanh lý Hợp đồng tín dụng số 0202001533 cũng như thực hiện hành vi giải ngân thêm khoản vay nói trên đối với ông Hà Thanh T và bà Hà Thị C. Tuy nhiên bà Hà Thị H không có chứng cứ để chứng minh cho Toà án sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của mình. Xét thấy yêu cầu của bà H là không có căn cứ để khẳng định bà C và ông T tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà C. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá không chấp nhận Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Hà Thị H. Phía bị đơn bà C đã cung cấp cho toà án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng, Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Do vậy Toà án xét thấy không cần thiết phải yêu cầu Ngân hàng phải cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ngày 31/8/2020 Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá nhận được văn bản uỷ quyền của nguyên đơn bà Hà Thị H, uỷ quyền cho ông Nguyễn Thế T đại diện bà Hà Thị H tham gia tố tụng tại toà án. Nhưng giấy uỷ quyền của bà H không ghi ngày uỷ quyền là ngày nào. Sau đó Toà án đã ra thông báo hoà giải giữa các bên đương sự. Nhưng đến ngày 29/9/2020 Toà án nhận được Đơn đề nghị của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Thế T) đề nghị Toà án không tiếp tục tiến hành việc hoà giải.

Do đó, Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với bị đơn bà Hà Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi theo qui định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015: Đối với trường hợp vay không lãi, đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất 10% năm của số tiền 200.000.000đ

tương ứng với thời gian chậm trả. Mặt khác theo qui định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Trong trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày Toà án tuyên án khi xét xử sơ thẩm), tức là ngày 17/11/2020. Do đó kể từ ngày 18/12/2019 đến ngày 17/11/2020 là 11 tháng. Nên số tiền gốc 200.000.000đ x 10%/năm x 11 = 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng tiền lãi). Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 218.300.000đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Hà Thanh T vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như các lần hoà giải trước, không chấp nhận trả nợ cùng bà bà C cho bà H theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của Thư ký phiên toà. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thu thập đầy đủ chứng cứ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đảm bảo thời hạn xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật, hợp tác với Toà án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đều có mặt và hợp tác với Toà án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 463 và Điều 466 BLTTDS năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H, buộc bị đơn bà Hà Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị H số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà C phải trả cho bà H là 218.300.000đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Đối với Ông Hà Thanh T không liên quan đến khoản nợ của bà H và không biết việc bà C vay nợ của bà H, nên ông Hà Thanh T không phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Hà Thị H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hà Thị C phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Án phí có giá ngạch của số tiền phải thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hà Thị C phải chịu án phí có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hà Thị H và bà Hà Thị C có mối quan hệ là chị em họ với nhau, bà H là chị họ của bà C, điều này được hai bên thừa nhận. Vì vậy giữa bà H và bà C đã thiết lập với nhau một giao dịch dân sự bằng giấy mượn tiền ngày 10/9/2019 (tức ngày 12/8/2019 âm lịch). Theo đó bà C đã nợ của bà H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) bà Hà Thị C đã ký tên của mình vào giấy mượn tiền của bà H để thực hiện việc mượn tiền. Do đó, có căn cứ khẳng định bà Hà Thị C đã vay nợ của bà Hà Thị H 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Theo bà Hà Thị C số tiền này là do bà C chơi hụi với bà H hàng tháng. Ngày 12/8/2019 âm lịch bà C đến nhà bà H và trực tiếp lấy tiền mặt của bà H là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Nguồn gốc số tiền này là tiền của bà H rút ở Ngân hàng về nhưng không đủ nên lấy thêm tiền buôn bán thịt lợn góp vào là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Do bà C cần cả số tiền 125.000.000đ nên nhờ bà H đầu tư, lãi suất tính trong hụi 125.000.000đ, sau 3 tháng 10 ngày bà H sẽ được hưởng số tiền lãi là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 22/11/2019 âm lịch Bà H sẽ được nhận tiền lãi là 75.000.000đ. Tức là bà H bỏ vào 125 triệu đồng ban đầu để hưởng số tiền lãi là 75.000.000đ. Tổng cộng số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Nhưng đến ngày 28/8/2018 âm lịch thì bị vỡ hụi cho đến nay. Bà Hà Thị C thừa nhận chữ ký trong sổ nợ của bà H là chữ viết của bà C nên bà C xin chịu trách nhiệm đối với khoản nợ này. Nhưng do hiện tại bà C chưa có tiền để trả cho bà H, nên bà C đề nghị với bà H đến khi nào những người tham gia chơi hụi với bà C có tiền trả cho bà C thì bà C sẽ trả lại cho bà H. Tại phiên toà bà C xin chịu trách nhiệm trả nợ một mình và xin bà H cho bà một thời gian khoảng 2 đến 3 năm để bà có điều kiện làm ăn và trả nợ cho bà H. Tuy nhiên bà H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H không chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào sổ ghi nợ ngày 12/8 /2019 âm lịch (tức ngày 10/9/2019 dương lịch) của bà Hà Thị H (bản gốc) nộp cho Toà án ghi rõ: *Ngày 12/8 C mượn của dì H 200.000.000đ (hai trăm triệu) đến 22/11/2019 trả. Phía dưới có chữ C*. Quá trình giải quyết bà Hà Thị C đã thừa nhận bà C đã ghi vào sổ nợ của bà H, chữ viết trong sổ nợ của bà H là do bà C đã viết vào. Như vậy bà Hà Thị C nợ của bà Hà Thị H số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) không phải số tiền là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) như bà C trình bày. Bà C cũng không có văn bản nào thể hiện việc mình vay của bà H số tiền 125.000.000đ. Bà C cho rằng khoản tiền 200.000.000 đồng vay của bà H là do góp vốn chơi hụi với bà H. Tuy nhiên quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà C không có chứng cứ chứng minh việc chơi hụi với bà H, không có tài liệu nào thể hiện việc bà C cùng tham gia chơi hụi với bà H ngoài chữ ký vay tiền của bà C trong sổ nợ của bà H số tiền 200.000.000 đồng. Do đó bà Hà Thị H khởi kiện bà Hà Thị C vay nợ của bà H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ.

Quá trình giải quyết và tại phiên toà phía nguyên đơn bà Hà Thị H không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc đến khi nào những người tham gia chơi hụi trả tiền cho bà C thì bà C sẽ trả lại cho bà H. Bà H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà C, yêu cầu bà C và ông T phải thanh toán

đầy đủ số tiền cả gốc và lãi 218.300.000đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) cho bà H.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (là ông Nguyễn Thế T) yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:
Theo qui định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015: Trường hợp vay không lãi, đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả (Lãi suất 10% năm của số tiền 200.000.000đ) tương ứng với thời gian chậm trả. Mặt khác theo qui định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Trong trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày Toà án tuyên án khi xét xử sơ thẩm), tức là ngày 17/11/2020. Do đó kể từ ngày 18/12/2019 đến ngày 17/11/2020 là 11 tháng. Vì vậy số tiền lãi tính đến ngày 17/11/2020 cụ thể là: 200.000.000đ x 10%/năm x 11 = 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Như vậy yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (là ông Nguyễn Thế T) yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (là ông Nguyễn Thế T) đề nghị Toà án đưa ông Hà Thanh T (là chồng của bà C) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì cho rằng ông Hà Thanh T biết việc vay nợ giữa bà C và bà H nên buộc ông Hà Thanh T phải có nghĩa vụ cùng với bà C trả nợ cho bà H số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) theo qui định tại các Điều 27, Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời khai của các bên khẳng định: Ông Hà Thanh T và bà Hà Thị C có mối quan hệ là vợ chồng, tuy nhiên ông Hà Thanh T không biết việc vay nợ giữa bà Hà Thị C và bà Hà Thị H. Mặt khác tại giấy vay nợ ngày 10/9/2020 chỉ có chữ ký người vay là bà Hà Thị C không có chữ ký của ông Hà Thanh T. Quá trình giải quyết vụ án ông T khẳng định ông T hoàn toàn không biết việc bà C vay nợ của bà H, chỉ đến khi con nợ đến nhà đòi nợ bà C thì ông mới biết, khoản vay này không sử dụng vào mục đích kinh tế gia đình, ông Hà Thanh T không thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Nên không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà H, theo ông T nếu bà C vay nợ của bà H thì bà C phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H. Phía nguyên đơn bà H và người đại diện của nguyên đơn không chứng minh được việc ông Hà Thanh T liên quan đến khoản nợ này như thế nào mà chỉ dựa vào mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng và cho rằng bà C có về bàn bạc với ông T, nhưng không có chứng cứ để khẳng định việc ông T biết bà C vay của bà H như thế nào để yêu cầu Toà án buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H là chưa thoả đáng và không có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung cho bà Hà Thị H.

[4] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hà Thị H là có cơ sở và đúng pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc bà Hà Thị C có nghĩa vụ phải thanh toán đầy đủ cho bà Hà Thị H số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng tiền lãi). Tổng cộng bà Hà Thị C phải trả cho bà Hà Thị H số tiền là 218.300.000đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xét thấy bà Hà Thị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007927 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Bà Hà Thị H được Toà án chấp nhận yêu cầu nên bà Hà Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hà Thị H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Hà Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí có giá ngạch: Bà Hà Thị C phải chịu án phí có giá ngạch là 10.915.000đ (mười triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) của số tiền 218.300.000 đồng (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) phải trả cho bà Hà Thị C.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn bà Hà Thị H, người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Thế T đối với bị đơn bà Hà Thị C.

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao: Buộc bà Hà Thị C có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Hà Thị H số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 218.300.000đ (hai trăm mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) bà C phải thanh toán đầy đủ cho bà H ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Hà Thanh T không có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà Hà Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007926 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Bà Hà Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí có giá ngạch là 10.915.000đ (mười triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/11/2020). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Lưu Hồ sơ vụ án, án văn.